

# GIAO THOA VĂN HÓA VIỆT – CHĂM NHÌN TỪ 'THÀNH NGỮ'

Thành ngữ là một cụm từ có sẵn, là một đoạn câu mà trong quá trình sử dụng tương đối có kết cấu cố định và bền vững nhưng chưa thể đưa ra hay thông báo một ý nghĩa hoàn chỉnh như tục ngữ mà nhằm thông báo một quan niệm nào đó dưới hình thức một đoạn câu có sẵn mang tính chất sinh động, hấp dẫn khi biểu đạt cho người khác. Và vì mới chỉ là thông báo một quan niệm và chưa hoàn chỉnh về ngữ nghĩa nên trước sau thành ngữ cũng được các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu và xem chúng tương đương như từ. Tuy nhiên trong lời ăn tiếng nói hằng ngày đoạn ngữ được chọn lựa và sử dụng vào hoàn cảnh nói năng, phù hợp với hoạt động thực tiễn nên lời ăn tiếng nói cô đọng đó được sử dụng thường ngày và trở thành thành ngữ lưu hành trong nhân dân.

Trong quá trình sinh sống cộng cư với người Chăm tại miền Trung, người Việt đã đưa vào trong vốn thành ngữ của mình những quan niệm trong cuộc sống đời thường liên quan đến tự nhiên, xã hội, con người mà người Chăm đã đúc kết được. Ngược lại, người Chăm đã tiếp biến giá trị thành ngữ của người Việt miền Trung nhằm thể hiện quan niệm về cuộc sống, phương thức ứng xử với tự nhiên, xã hội vào trong lời ăn tiếng nói của mình.

Qua so sánh, đối chiếu 863 thành ngữ trong sách “*Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*” của Inrasara với thành ngữ miền Trung trong các tác phẩm sưu tầm của các tác giả miền Trung (bổ sung tác phẩm, số câu vào chỗ này), cho thấy có sự giao

thoá nhau về quan niệm. Tìm sự tương đồng và dị biệt lời ăn tiếng nói giữa các vùng/miền đã được con người đặt ra từ rất sớm. Khi hình thành giai cấp, con người đã ý thức về riêng tư, của ta của người, của mình của họ,...Để có khái niệm về sự tương đồng và dị biệt trong thành ngữ của người Việt miền Trung và người Chăm, thực tiễn phải kinh qua quá trình nhận thức về sự vật và hiện tượng có cùng chung thuộc tính, từ đó mới có thể đưa ra quan niệm về nó một cách tương đối được. Không trùng lặp hoàn toàn ý niệm, nhưng xét về mặt nghĩa có có sự gặp nhau trong quan niệm dân gian về một vấn đề, sự vật nào đó được đưa ra trong hoàn cảnh nói năng nào đó, nhằm hướng ý thức con người đến với sự vật, hiện tượng và tính chất, đánh giá về nó. Người Việt miền Trung và người Chăm có cùng môi trường địa lý, cùng sống đan xen nhau thì chắc chắn có sự trao đổi nhau, ảnh hưởng nhau qua lại trong hầu hết các hoạt động liên quan đến con người đã xảy ra trong lịch sử.

Trong khảo sát, đối chiếu thành ngữ để tìm xem sự tương đồng, giao thoa nhau cùng lời ăn tiếng nói người Việt miền Trung với người Chăm, chúng tôi không phân thành từng nhóm vấn đề mà so sánh những yếu tố trong thành ngữ có sự tương đồng hoặc giao thoa nhau để đi đến thống nhất rằng, đã có sự gặp nhau trong lời ăn tiếng nói người Việt miền Trung và người Chăm trong lịch sử phát triển, đã tham gia vào tiến trình nâng cao giá trị thành ngữ của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Sau đây là một số thành ngữ có sự tương đồng, hoặc giao thoa nhau (dòng trên: thành ngữ Việt; dòng dưới: thành ngữ Chăm):

- *Đầu tắt mặt tối.*  
- *Akauk trun taika tagok.*  
*Đầu xuống chân lên.*

- *Đầu đội vai mang*  
- *Akauk đwa bira anaung.*  
*Đầu đội vai gánh.*

- *Đất khách quê người.*  
- *Ata palei karei angan.*  
*Xa làng khác tên.*

- *Chửi mào mắng chó.*  
- *Ataung asuw ataung muryaw.*  
*Đánh chó đánh mào.*

- *Khó rách áo ôm.*  
- *Asuw kaih klaih iku.*  
*Chó ghẻ đirt đuôi.*

- *Con đàn cháu đống.*  
- *Anuk tacauw yong rup*  
*Con cháu quanh mình.*

- *Hết lòng hết dạ.*  
- *Abih tung abih hâti.*  
*Hết lòng hết dạ.*

- *Bán sống bán chết.*

- *Alah murtai alah diip.*  
*Biếng chết biếng sống.*

- *Của ngon vật lạ.*  
*Ahar crih bauh bingi.*  
*Bánh lạ quả ngon.*

- *Nước đổ đầu vịt.*  
*Nước đổ là môn.*  
*Ia murta biya.*  
*Nước mắt cá sấu.*

- *Hỉ mũi chưa sạch*  
*Wak ia idung ka o hacih.*  
*Vắt mũi chưa sạch.*

- *Cơm bưng nước rớt.*  
*Wak xalau raw dwơh.*  
*Lau mâm rửa đĩa.*

- *Bó chân bó tay.*  
*Ikak takia ikak tangin.*  
*Cột tay cột chân.*

- *Thắt lưng buộc bụng.*  
*Ikak tian ralan hwa.*  
*Bụng buộc lê lét.*

- *Ngón ngắn ngón dài.*

- *Inur kađieng inur canuw.*  
*Ngón út ngón cái.*

- *Đuổi như đuổi tà.*  
- *Ew yuw urang ew bhut.*  
*Réo như réo tà.*

- *La trời la đất.*  
- *Rw lingik ew tathik.*  
*Kêu trời kêu biển.*

- *Kêu trời không thấu.*  
- *Ew lingik lingik o hamit.*  
*Kêu trời trời không nghe.*

- *Chưa chết đã hôi.*  
- *O ka murtai blauh bbuw bruk.*  
*Chưa chết đã bốc mùi thối.*

- *Chân cứng đá mềm.*  
- *Kajap tangin khong takai.*  
*Chân cứng tay vững.*

- *Gần kề miệng lỗ.*  
- *Kajaik tamur labang murtai.*  
*Gần kề hố chết.*

- *Trời đánh thánh đâm.*  
- *Katal klak kamak blah.*

*Trời đánh thánh vật.*

- *Ngừa mồm ngừa miệng.*  
- *Katol cabbwai katol dahah.*  
*Ngừa mồm ngừa lưỡi.*

- *Bạt núi ngăn sông.*  
- *Kalcok bok banok*  
*San núi đắp đập.*

- *Da bọc xương.*  
- *Kalik đung talang.*  
*Da bọc xương.*

- *Ngâm đắng nuốt cay.*  
- *Kaik lithun kaik liya.*  
*Cẩn hành cẩn gừng.*

- *Tai vách mạch rừng.*  
- *Kaung paga hu tangi.*  
*Hàng rào có tai.*

- *Đứt ruột đứt gan.*  
- *Klaih tung klaih hâti.*  
*Đứt ruột đứt gan.*

- *Hết lòng hết dạ.*  
- *Klauh tung klauh hâti.*  
*Hết lòng hết dạ.*

- *Nửa đường đứt gánh.*  
- *Klauh yaut murtuh nwor.*  
*Sút gùi nửa chừng.*

- *Ba đầu sáu tay.*  
- *Kluw gah tangin, tajuh gah takai.*  
*Ba tay bảy chân.*

- *Giữ mỏ giữ mỏ*  
- *Khik kut khik tathat.*  
*Giữ kut giữ tathat.*

- *Giữ mỏm giữ miệng*  
- *Khik cabbwai khik dalah.*  
*Giữ mỏm giữ lưỡi.*

- *Ép nợ ép duyên.*  
- *Khing aip khing tatok.*  
*Lấp ép lấy đè.*

- *Câm miệng hén.*  
- *Khup khauw kamauw nhai.*  
*Câm miệng hén.*

- *Làm tới đâu hay tới đó.*  
- *Ngap tol halei thuw tol nan.*  
*Làm tới đâu hay tới đấy.*

- *Làm vương làm tướng*  
- *Ngap patau ngap bia.*  
*Làm vua làm hoàng hậu.*

- *Làm chơi xoi thiệt*  
- *Ngap mur-in bbong biak.*  
*Làm chơi xoi thiệt.*

- *Làm bộ làm tịch.*  
- *Ngap munuh ngap munung.*  
*Làm bộ làm tịch.*

- *Làm như ăn cướp.*  
- *Ngap yuw urang pauh blah.*  
*Làm như ăn cướp.*

- *Giả đui giả điếc.*  
- *Ngap langauh ngap taglauh.*  
*Giả điếc giả đui.*

- *Giả điên giả dại.*  
- *Ngap hanrwai ngap taba.*  
*Giả điên giả dại.*

- *Thâm căn cố đế.*  
- *Cak kong cak languw.*  
*Thâm căn cố đế.*

- *Hoa hòe hoa sói.*



- *Cih bingu cih hala.*  
*Vẽ hoa vẽ vãn.*

- *Cầu được ước thấy*  
*Cầu tât ứng nguyện tât thành.*  
- *Caung patwah dwah jamauw.*  
*Cầu được ước thấy.*

- *Chim trời cá nước.*  
- *Ciim di glai.*  
*Chim trong rùng.*

- *Đất như vàng.*  
- *Chet yuw jru.*  
*Đất như vàng.*

- *Khôn từ trong trứng*  
- *Jak mừng dalam tian amaik.*  
*Khôn từ trong lòng mẹ.*

- *Kẻ cắp bà già gặp nhau*  
- *Jađak gauk jađun.*  
*Jađak gặp jađun.*

- *Sức cùng lực kiệt.*  
- *Jauh jauw mat.*  
*Què quặt chân tay rệu rã tinh thần.*

- *Nên vợ thành chồng.*

- *jiông hadiip jiong pathang*  
*Nên vợ nên chồng.*

- *Nên cơm nên cháo.*  
- *Jiong ia jiong lisei.*  
*Nên nước nên cơm.*

- *Nên công nên chuyện*  
- *Jiong bruk jiong kadha.*  
*Nên công nên chuyện.*

- *Nên cửa nên cái*  
*Nên cửa nên nhà.*  
*Nên gia nên thất.*  
- *Jiong bbong jiong angwei.*  
*Nên cửa nên cái.*

- *Như hình với bóng.*  
- *Jwak sa takai.*  
*Đạp dấu chân.*

- *Ganh ăn ghét ở.*  
*Ghét ăn tức ở.*  
- *Jhak hati padiak murta.*  
*Xấu bụng nóng mắt.*

- *Ba chân bốn cẳng.*  
- *Takai kluw takai ppak.*  
*Chân ba chân bốn.*

- Tiến thoái lưỡng nan.  
- Tagok gauk yuw kadun gauk paraik.  
Tiến thì đụng áchlui thì chạm càng.

- Bám bụng bám gan.  
- Tatok tung tatok tian.  
Nén bụng nén dạ.

- Chín nẫu ruột gan.  
- Tathak tung tathak hâti.  
Chín bụng chín gan.

- Thẳng ruột ngựa  
- Tâpk đak raung.  
Thẳng cong lưng.

- Vui như mở hội.  
- Tapoh tung tapoh hâti.  
Nức lòng nức dạ.

- Mát hôn mát vía.  
- Tapoh prun tapoh yawa.  
Bay hôn bay vía.

- Thâm sơn cùng cốc.  
- Tachauk cök kawök glai.  
Xó núi khuất rìng.

- *Bám bụng bám gan*  
- *Tatok tung tatok tian.*  
*Đè bụng đề dạ.*

- *Qua ngày đoạn tháng.*  
- *Tappa harei tappa bilan.*  
*Qua ngày qua tháng.*

- *Sa cơ thất thế.*  
- *Tablait tangin tachaur takai.*  
*Trật tay sảy chân.*

- *U mê ám chương.*  
- *Tadar hatai tadar phik.*  
*Bít dạ nghẽn mật.*

- *Thuận vợ thuận chồng.*  
- *Hu hadiip hu pathang.*  
*Đồng vợ đồng chồng.*

- *Nở mặt nở mày.*  
- *Hu bbauk hu murta.*  
*Mở mặt mở mày.*

- *Ruộng sâu trâu nái.*  
- *Hamu bhum kabaw wal.*  
*Ruộng sở trâu chuồng.*

(...)

Trong số 863 thành ngữ người Chăm đã được Inrasara sưu tầm trong “*Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố*”, qua đối chiếu, thống kê, chúng tôi nhận được sự tương đồng nhau về mặt quan niệm (nào đó) trong cuộc sống là 245/863, tỉ lệ 28,38% giữa người Việt miền Trung và người Chăm. Điều đó cho thấy rằng, trong cùng điều kiện địa lý tự nhiên và phần nào có cùng quan niệm trong triết lý âm – dương, trên – dưới, đực – cái có nhiều nét tương đồng giữa hai dân tộc Việt – Chăm không có sự cách biệt nhiều lắm. Người Chăm dùng lịch Chăm nhưng lại cũng có mười hai con giáp nên đã ảnh hưởng, giao lưu văn hóa dân gian của nhau, đã thể hiện trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của cư dân tại miền Trung Việt Nam. Người Việt miền Trung đến cộng cư với tiền trú phương Nam, họ mang theo nền văn hóa dân gian bản địa ra đi để rồi từ đó tiếp cận với thực tiễn vùng đất mới làm nảy sinh những thành tố văn hóa dân gian mới. Văn hóa dân gian người Việt kết hợp với yếu tố sẵn có tại địa bàn cư trú mới, hòa quyện nhau tạo nên một dạng thức văn hóa dân gian phong phú, từ đó góp phần và làm tăng giá trị và làm đậm đà nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Thành ngữ cũng xuất phát từ lời ăn tiếng nói của người dân cả Việt lẫn Chăm không ngừng được mở rộng, cung cấp khái niệm, làm phong phú nội hàm biểu đạt. Trong di sản văn hóa phi vật thể, thành ngữ người Việt miền Trung hay Chăm đều hiểu là sản phẩm tinh thần có giá trị văn hóa lịch sử mà trải qua nhiều thế kỷ mới hình thành nên được và được lưu giữ bằng trí nhớ, lưu truyền bằng miệng trong dân gian và thường xuyên được sử dụng là công cụ trong giao tiếp. Ở đó phát huy chức năng giáo dục, phản ánh của thành ngữ

như là một biện pháp thể hiện tư duy con người về hiện tượng tự nhiên, xã hội của người Việt tại vùng Trung bộ Việt Nam. Sự kết hợp, tương đồng hoặc giao thoa nhau giữa thành ngữ Việt – Chăm cho thấy đã tác động rất lớn và sâu sắc đến văn hóa dân gian miền Trung, tạo nên sự đa dạng và bền vững của lời ăn tiếng nói dân gian trên vùng đất mới. (2014)